

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN BÀN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11/01/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Nghĩa;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Hải Yến và ông La Văn Hải;

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Bà Nông Thị Mới - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2021/TLST-HNGĐ ngày 28/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1986.

ĐKKHKT: Thôn A, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Nơi ở: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

- Bị đơn: Anh Sầm Đình V, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Các đương sự đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: Ông Hà Ngọc L, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai; Vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sầm Đình V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn dẫn đến tình trạng vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V nghiện chất ma túy, không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 10/2019 - 10/2020, anh V bị bắt đi cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01 tỉnh Lào Cai. Từ đó, chị và anh V đã sống ly thân. Đến nay, chị nhận thấy không còn tình cảm với anh V, vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Sầm Đình V.

Về con chung: Chị và anh Sầm Đình V có 01 con chung là cháu Sầm Thùy V, sinh ngày 13/3/2017, hiện nay cháu đang sống cùng chị tại thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu V cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Sầm Đình V cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Đỗ Thị T xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản gì chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không vay nợ tổ chức, cá nhân nào, không cho ai vay nợ, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn anh Sầm Đình V trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Anh V xác nhận có tự nguyện đăng ký kết hôn với chị Đỗ Thị T ngày 18/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, do anh nghiện ma túy và bị đưa đi cai nghiện từ tháng 10/2019 đến tháng 10/2020 anh trở về địa phương, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, nhưng chị T không về chung sống cùng anh, từ tháng 5/2021 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Nhưng anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị T, nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Sầm Đình V xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Sầm Thùy V, sinh ngày 13/3/2017, hiện cháu đang sống cùng chị T. Nếu ly hôn anh nhất trí để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến khi đủ 18 tuổi, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và vay nợ chung: Anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V cung cấp thông tin: Việc các đương sự đăng ký kết hôn và có 01 con chung là cháu Sầm Thùy V là đúng.

Người làm chứng ông Hà Văn L (là trưởng thôn A, xã L) xác nhận: Chị Đỗ Thị T và anh Sầm Đình V có nhiều mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 10/2019 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đỗ Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T và anh Sầm Đình V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng: Khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Sầm Đình V ;

- Về nuôi con chung: Giao cháu Sầm Thùy V , sinh ngày 13/3/2017 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Sầm Đình V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Đỗ Thị T khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn anh Sầm Đình V, nơi ĐKKHKT: Thôn A, xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T, bị đơn anh Sầm Đình V đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Chị Đỗ Thị T và anh Sầm Đình V tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 18/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Lào Cai, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Từ đầu năm 2019 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh V nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con. Từ tháng 10/2019 - 10/2020, anh V bị bắt đi cai nghiện tập trung tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 01 tỉnh Lào Cai. Từ đó, chị và anh V đã sống ly thân cho đến nay.

Hội đồng xét xử thấy: Tình cảm vợ chồng phải xuất phát từ cả hai phía mới xây dựng gia đình hạnh phúc được. Nhưng quá trình chung sống, từ đầu năm 2019 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi chửi nhau. Đối với bị đơn anh Sầm Đình V mặc dù không nhất trí ly hôn, nhưng không có giải pháp nào khắc phục tình trạng vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, khi Tòa án thông báo mở phiên họp hòa giải thì nguyên đơn chị Đỗ Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn anh Sầm Đình V không đến Tòa án làm việc, điều đó chứng tỏ các đương sự đều không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị Đỗ Thị T đối với Sầm Đình V là có căn cứ và đúng pháp luật.

[4] Về nuôi con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Sầm Đình V đều thống nhất giao cháu Sầm Thùy V, sinh ngày 13/3/2017 cho chị T được nuôi dưỡng cháu V cho đến khi đủ 18 tuổi, anh Sầm Đình V không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Đỗ Thị T có mức thu nhập hàng tháng là 4.000.000đ /tháng, sau khi sống ly thân từ năm 2019 đến nay, cháu V sinh sống cùng chị T. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con cũng như xem xét đến ý chí của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy ý kiến nguyện vọng của chị Đỗ Thị T đề nghị giao cháu Sầm Thùy V, sinh ngày 13/3/2017 cho chị nuôi dưỡng đến khi cháu V đủ 18 tuổi, anh Sầm Đình V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là có căn cứ và phù hợp với ý kiến của các bên, nên được chấp nhận.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập vấn đề giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Đỗ Thị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238; Khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 56; Điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đỗ Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Sầm Đình V;

- Về con chung: Giao cháu Sầm Thùy V, sinh ngày 13/3/2017 cho chị Đỗ Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Sầm Đình V không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004211 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Đỗ Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Sầm Đình V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã L (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Nghĩa